

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2017/DS -ST**

Ngày: 17/7/2017

V/v tra chấp: “*Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự*”.

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Nga

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ

2. Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ: Ông Phạm Thanh Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2016 /DS - ST ngày 21 tháng 6 năm 2016 về việc kiện “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐST-DS ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Tuấn A**, sinh năm 1997

Trú tại: đường T, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hồng P**, sinh năm 1973.

Trú tại: đường T, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thị H** – Văn phòng Luật sư P. Thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Võ Xuân H**, sinh năm 1971

Trú tại: đường P, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị Hồng P**, sinh năm 1973

Trú tại: đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

4. Người làm chứng: Ông **Trần Phương T**, sinh năm 1978

Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1978

Cùng trú tại: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà P, bà H có mặt, ông H, ông T, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng P trình bày: Trước đây bà và ông Võ Xuân H là vợ chồng. Vào năm 2011 vợ chồng bà ly hôn. Theo quyết định thuận tình ly hôn thì ông H là người trực tiếp nuôi con Tuấn A, còn bà nuôi con Tuấn H. Về tài sản thì giữa bà và ông H có lập 01 văn bản (không có công chứng, chứng thực) thỏa thuận phân chia tài sản với nội dung là căn nhà thứ 1 tại đường T, phường B, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu của bà và con trai Tuấn H, còn căn nhà thứ 2 tại 02 đường N, phường C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu của ông H và con trai Tuấn A. Ngày 23/11/2012 , bà và ông H đến phòng công chứng Vạn Tin lập văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Theo thỏa thuận thì bà được sở hữu căn nhà tại đường T, phường B, thành phố Đ. Ông H được sở hữu căn nhà tại đường N, phường B, thành phố Đ. Thỏa thuận cũng nêu rõ, nếu sau này ông H bán nhà thì cho con Tuấn A ½ giá trị căn nhà. Nếu bà bán nhà thì cho con Tuấn H ½ giá trị căn nhà. Vào tháng 9/2015, ông H bán căn nhà này với giá 1 tỷ đồng cho vợ chồng ông T bà N. Lúc bán ông H có hỏi ý kiến của Tuấn A thì Tuấn A đã đồng ý. Và Tuấn A có nói khi nào bán xong nhà thì ông H sẽ đưa cho Tuấn A ½ số tiền bán được, ông H đồng ý. Thế nhưng sau khi chuyển nợ xong căn nhà thì ông H không thực hiện thực hiện lời hứa đã cam kết.

Nay bà là người đại diện theo ủy quyền của con Tuấn A, yêu cầu ông H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ n đã cam kết trong văn bản phân chia tài sản. Giao cho con Tuấn A số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tương đương giá trị 1/2 căn nhà đường N, phường B, thành phố Đ.

Theo bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ ông Võ Xuân H trình bày: Ông và bà P ly hôn vào năm 2011 và có 02 người con. Tài sản của vợ chồng ông có 2 căn nhà: bà P sở hữu căn nhà tại đường T, phường 2, thành phố Đ. Ông

sở hữu căn nhà đường N, phường C, thành phố Đ và sự thỏa thuận này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Vạn Tin. Con Tuấn A có nguyện vọng được ở với ông, và hiện giờ này ông đang nuôi con Tuấn A ăn học. Nay con Tuấn A làm đơn khởi kiện yêu cầu ông trả cho Tuấn A số tiền 500.000.000đ thì ông không đồng ý, vì đây là tài sản của riêng ông.

Phan Thị Hồng P trình bày: Tại văn bản chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì bà và ông H đã thỏa thuận người nào bán nhà thì phải có trách nhiệm cho người con mà hiện tại đang trực tiếp nuôi dưỡng theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Đ $\frac{1}{2}$ số tiền bán được. Vì vậy ông H đã bán căn nhà ông được chia thì phải có trách nhiệm giao cho con Tuấn a $\frac{1}{2}$ số tiền ông đã bán là 500.000.000đ. Bản thân bà thì không tra chấp gì đối với việc đã phân chia tài sản cũng hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa ông H và vợ chồng ông T bà N. Chỉ yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ người làm chứng ông Trần Phương T và bà Phan Thị N trình bày: Vợ chồng ông bà có nhận sang nhượng lại căn nhà của ông Võ Xuân H. Khi thực hiện việc mua bán nhà thì giấy tờ đứng tên ông H. Việc mua bán đúng theo trình tự thủ tục và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ sang tên hợp pháp. Sau khi hoàn thành xong việc mua bán, vợ chồng ông bà đã chuyển về sinh sống. Giá cả mua bán được thể hiện trong hợp đồng và vợ chồng bà đã giao đủ tiền cho ông H. Nay cha con ông H tra chấp thì đó là việc của cha con ông H, không liên quan gì đến vợ chồng ông bà.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nng không thành.

Tại phiên Tòa:

Đại diện cho nguyên đơn bà P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (rút yêu cầu đối với số tiền 350.000.000đ). Yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận là trả cho Võ Tuấn A 150.000.000đ($\frac{1}{2}$ số tiền ông H bán nhà).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần khởi kiện của đại diện nguyên đơn. Yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000đ đã thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, đương sự và đề xuất: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tra chấp: Trước đây Tòa án thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là chia tài sản chung, song nhận thấy a Võ Tuấn A yêu cầu cha mình là ông Võ Xuân H thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là trả số tiền 500.000.000đ (trị giá ½ số tiền mà ông H đã bán căn nhà tại đường N, phường B, thành phố Đ) theo văn bản phân chia tài sản chung sau ly hôn được lập tại văn phòng công chứng Vạn Tin giữa ông H (cha a) và bà P (mẹ a). Ông H không đồng ý nên tại phiên tòa xác định quan hệ tra chấp là “ Yêu cầu thực hiện trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ ” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền xin rút là 350.000.000đ. Bà yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả cho con trai bà là a Tuấn A số tiền 150.000.000đ. Vậy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 350.000.000đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn a Võ Tuấn A thì thấy:

Tại văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn giữa ông Võ Xuân H và bà Phan Thị Hồng P lập ngày 23/11/2012 tại Văn phòng Công chứng Vạn Tin, thành phố Đ thì căn nhà tại T, phường 2, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu riêng của bà P. Căn nhà tại đường N, phường B, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu riêng của ông H. Mặc khác tại khoản 5 Điều 2 của Văn bản thể hiện “ Hiện nay, ông Võ Xuân H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Tuấn A (sinh năm 1997) bà Phan Thị Hồng P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Tuấn Huy (sinh năm 2004). Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các con, chúng tôi thống nhất: Sau khi đã nhận phân chia, nếu ông H bán, chuyển nhượng tài sản được chia trên thì phải cho con là Võ Tuấn A nửa số tiền bán được, nếu bà P bán, chuyển nhượng tài sản được chia n trên thì phải cho con là Võ Tuấn H nửa số tiền bán được ”. Trong trường hợp nếu có thay đổi quyền nuôi con thì thỏa thuận trên đây vẫn không thay đổi.

[3] Vào ngày 7/8/2015 ông H đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông Trần Phương T và bà Phan Thị N (Hợp đồng đã được

chứng thực tại Văn phòng Công chứng Vạn Tin, đường X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) . Ngày 25/8/2015 vợ chồng ông T bà N đã được sang tên theo hợp đồng chuyển nhượng trên.

[4] Xét thấy ông H đã thực hiện xong việc chuyển nhượng được thể hiện tại hợp đồng chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông T, bà N cũng đã có lời làm chứng là đã giao đủ tiền cho ông H và đã nhận nhà, đã được đứng tên nhà hợp pháp. Sau khi chuyển nhượng căn nhà trên, theo cam kết ông H cho con Tuấn A nửa số tiền bán được ông H không thực hiện nghĩa vụ cam kết theo Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được lập ngày 23/11/2012 tại Văn phòng Công chứng Vạn Tin. Tại bản tự khai, cũng tại biên bản hòa giải ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện của a Võ Tuấn A yêu cầu ông Võ Xuân H thực hiện nghĩa vụ trả cho a số tiền 150.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 150.000.000đ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 274,275, 280, 284 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án;
- Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện “ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự ” của nguyên đơn a Võ Tuấn A đối với số tiền 350.000.000đ.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện“ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự ” của nguyên đơn a Võ Tuấn A đối bị đơn ông Võ Xuân H.

Buộc ông Võ Xuân H trả cho a Võ Tuấn A số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

- **Về án phí:** Ông Võ Xuân H phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ biên lai thu số AA/2015/0001710, ngày 21/6/2016 hoàn trả a Võ Tuấn A 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử p thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã kí và đóng dấu

Nguyễn Thị Diệu Nga